

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày 05 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nhân.
Ông Nguyễn Văn Lem.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Chói và Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Đặng Thị Kim S, sinh ngày 10/10/1987 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: Y.

Nơi cư trú: ấp a, xã B1, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Minh T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964; chồng: (1) Nguyễn Đăng Thùy A, sinh năm 1979 (đã ly hôn năm 2014); (2) Đinh Cheng Yo, sinh năm 1980, quê quán: M; con: có 05 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2022 cho đến nay. (có mặt)

2/ Trần Hoàng M, sinh ngày 11/4/1991 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: số v, ấp c, thị trấn G1, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1964; vợ: Phùng Thị Ngọc N, sinh năm 1984 (đã ly hôn); con: có 01 người, sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: Ngày 31/8/2021 bị UBND xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.000.000 đồng, về hành vi “Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân (ra đường trong trường hợp không cần thiết) đối với người có nguy cơ mắc bệnh dịch (Covid-19),

chưa chấp hành nghĩa vụ nộp phạt; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2022 cho đến nay. (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Hồ Thị Hồng N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số b/MQ, ấp M, xã T, huyện B1, tỉnh B. (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. Nơi cư trú: số d/TT2, ấp T1, xã T, huyện B1, tỉnh B. (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp MQ, xã T, huyện B, tỉnh B. (vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: số s N, phường A, thành phố B1, tỉnh B. (vắng mặt)

** Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp T1, xã T, huyện B, tỉnh B. (có mặt)

2/ Bà Hoàng Thị Thanh V, sinh năm 1987. Nơi cư trú: số z, khu phố u, phường r, thành phố B1, tỉnh B1. (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Trọng N2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp e, thị trấn G1 huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

4/ Ông Lê Trọng T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp A, thị trấn G1, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

5/ Ông Bùi Khắc Đ, sinh năm 2002. Nơi cư trú: ấp A, xã A1, huyện B1, tỉnh B1. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 04/5/2022, bà Hoàng Thị Thanh V, sinh năm 1987 làm thuê tại cửa hàng trò chơi giải trí game bắn cá, thuộc ấp C, xã M, huyện G phát hiện 03 thanh niên gồm: Trần Hoàng M, sinh năm 1991, Nguyễn Trọng N, sinh năm 1990 và Lê Trọng T, sinh năm 1988 đến chơi game bắn cá sử dụng 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nghi tiền giả nên trình báo cơ quan Công an và giao nộp 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nghi giả. Qua làm việc Trần Hoàng M thừa nhận là người đã dùng 05 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng giả để thanh toán tiền mua thẻ điểm chơi game.

Quá trình điều tra xác minh, ngày 06/5/2022 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre tiếp tục tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của Công an xã Tân Xuân, huyện Ba Tri: Khoảng 17 giờ 20 ngày 06/5/2022 trên địa bàn xã Tân Xuân có 02 đối tượng là Đặng Thị Kim S, sinh năm 1987 và Đặng Thị Trâm A, sinh năm 2005 (cháu ruột S) có hành vi sử dụng 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nghi giả để thanh toán tiền mua nước mía và mua bắp nên trình báo cơ quan Công an.

Kết quả điều tra Trần Hoàng M, Đặng Thị Kim S khai nhận và có căn cứ chứng minh: Ngày 25/02/2022, Đặng Thị Kim S phát hiện nhặt được tại vòng xoay An Bình Tây, huyện Ba Tri một túi ni lông màu xám, bên trong có 14 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng nên đem về nhà cất giữ. Đến ngày 01/5/2022, S đem số tiền nhặt được ra kiểm đếm thì phát hiện là tiền giả vì bị nhàu nát, màu sắc không giống tiền thật. Ngày 03/5/2022, Trần Hoàng M (là bạn trai của S) hỏi mượn S 2.000.000 đồng để trả cho Bùi Khắc Đ (là cháu ruột của M). Do không có tiền thật, S lấy 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa cho M và nói cho M biết là tiền giả lấy trả đỡ cho Đ. Sau khi nhận được tiền, Đ kiểm tra phát hiện tiền giả nên điện cho M biết và lấy 04 tờ tiền giả trên vào nhà vệ sinh dùng bật lửa đốt cháy hết, hiện không thu giữ được.

Đến sáng ngày 04/5/2022, M nói cho S biết việc Đ phát hiện tiền giả và hỏi mượn tiền S để trả cho Đ. Do không có tiền thật S tiếp tục lấy 06 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng mỗi tờ đưa cho M. Khoảng 8 giờ cùng ngày M đến nhà Nguyễn Trọng N chơi. Tại đây, M lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đổi với N lấy 02 tờ tiền thật mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng để mua thuốc lá. Sau đó, M cùng với N và Lê Trọng T đến chơi game tại cửa hàng trò chơi giải trí game bắn cá, thuộc ấp Căn Cứ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm và M sử dụng 05 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để thanh toán tiền mua thẻ điểm chơi game thì bị phát hiện. Riêng tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng Nghĩa đổi với M trước đó, trên đường đi N sử dụng vào việc mua xăng tại cửa hàng xăng dầu Minh Khanh thuộc xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm hiện không thu giữ được.

Sau khi M bị bắt, khoảng 16 giờ ngày 06/5/2022, S lấy 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng còn lại và rủ Đặng Thị Trâm A cùng đi để S tìm nơi tiêu thụ tiền giả (S không nói cho Trâm A biết là đi tiêu thụ tiền giả và Trâm A cũng không biết S có tiền giả).

Đầu tiên, S ghé cửa hàng tạp hóa của bà Hồ Thị Hồng N, trú tại: số b/MQ, ấp M, xã T, huyện B1, tỉnh B, mua 01 ký đường với giá 20.000 đồng, S lấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng trả và được bà N thối lại 480.000 đồng tiền thật.

Tiếp theo, S đến 02 cửa hàng tạp hóa của bà Hồ Thị H và bà Phạm Thị Hồng Đ, cùng trú tại: ấp T1, xã T, huyện B1, tỉnh B mua 01 túi cà phê hiệu Wakeup 24 gói, 01 hộp sữa bò. Do sợ bị phát hiện sử dụng tiền giả nên tại 02 địa điểm này S lấy 02 tờ tiền thật loại mệnh giá 500.000 đồng để trả, mặc dù ý định trước đó của S là sử dụng tiền giả để trả đổi lấy tiền thật.

Sau đó, S tiếp tục đến cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị L, trú tại: số d/TT2, ấp T1, xã T, huyện B1, tỉnh B, tỉnh Bến Tre mua 01 chai tương ớt với giá 13.000 đồng, S lấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng ra trả và được thối lại 487.000 đồng tiền thật.

Khi đến khu vực xã T1, huyện B1, S mua của ông Nguyễn Văn S 01 ly nước mía với giá 10.000 đồng, S lấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng trả cho anh S và được thối lại 490.000 đồng tiền thật. Sau đó, S tiếp tục đến quầy bán bắp của bà Nguyễn Thị Hồng N mua 02 trái bắp với giá 12.000 đồng, S lấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng trả cho bà N nhưng chưa nhận lại tiền thối thì bị ông S phát hiện truy hô trình báo Cơ quan Công an.

** Đồ vật, tài liệu thu giữ trong vụ án gồm:*

- Bà Hoàng Thị Thanh V giao nộp 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sê-ri BK 20367082, AQ 18921296, HQ 18921280, FG 18921081, DT 18423283.
- Bà Nguyễn Thị Hồng N giao nộp 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri AQ 18921298.
- Ông Nguyễn Văn S giao nộp 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri DT 18423204, cùng một chìa khóa xe mô tô 71B2. 997.11.
- Bà Nguyễn Thị L giao nộp 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri FG 18921081.
- Bà Hồ Thị Hồng N giao nộp 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri FE 18921076.
- Tạm giữ của bị cáo Đặng Thị Kim S gồm:
 - + 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 321254059 mang tên Đặng Thị Kim S;
 - + 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Sacombank số tài khoản 060240347213 mang tên Đặng Thị Kim S;
 - + 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu BIRD cũ đã qua sử dụng, số IMEI 868323013034142 bên trong có 02 sim Viettel;
 - + 01 (một) cái bóp chất liệu bằng nhựa, có hoa văn màu đỏ, cũ đã qua sử dụng kích thước 10x15cm;
 - + 01 (một) cái bóp màu nâu xám chất liệu bằng vải nhựa có chữ Gerruii 881, cũ đã qua sử dụng, kích thước khoảng 15x20cm;
 - + 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 71B2. 997.11;
 - + 01 (một) kg đường cát, 01 hộp sữa đặc hiệu Ông Thọ, 01 túi cà phê Wake up 24 gói, 01 chai tương ớt hiệu Chinsu 250g;
 - + 01 (một) túi xách màu trắng chất liệu bằng nhựa, cũ đã qua sử dụng, có quai xách;
 - + 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sê-ri PX 11889618, VE 14725291, QD 16128982, LI 17604206, TG 18033407, OH 09769834;
 - + 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, gồm các số sê-ri CI 21085949, RE 16856478, QN 14554597, JX 20202420, OT 13236762, NH 19607893, MG 10011809, NN 13855608;
 - + 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng, gồm các số sê-ri KR 16197686, MG 19527771, KR 18901465, VF 18497096;
 - + 13 (mười ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng, gồm các số sê-ri CX 21072406, CW 21962674, QU 16569934, KK 20363569, PA 20876588, FP 14038407, BL 16814652, LJ 20129061, IR 16116664, WM 17938376, SI 17718733, PN 16559310, BW 21601448;

+ 07 (bảy) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng, gồm các số sê-ri QK 20447248, RQ 18715727, JS 14580217, LH 19421123, SR 18895878, HO 18350195, IN 18393708;

+ 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng, gồm các số sê-ri CM 17697190, LI 17715941, RL 20688074, DS 14594453, LB 20636362, KF 17114183, IJ 20941433, XL 18992962;

+ 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng, gồm các số sê-ri GT 6943517, XY 2022982, QH 9935180, UL 1603276, UW 2338538, JH 3300654;

+ 11 (mười một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng, gồm các số sê-ri UN 7563597, DK 2718413, UN 0129758, JR 4438089, DP 6969456, BT 6037236, UM 6525071, WN 0694706, NR 0400124, DT 6743073, WT 3674858;

+ 13 (mười ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng, gồm các số sê-ri ZG 0265054, MP 2040164, SL 2904591, GX 9435217, ET 2341796, QA 1557517, WQ 3763491, AX 6038904, MW 1188098, ZF 7913438, FV 4797489, BT 9234576, VT 9040110;

- Tạm giữ của bị cáo Trần Hoàng M gồm:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu AIRBLADE màu đen trắng, biển kiểm soát 72E1-171.74 đã qua sử dụng, cùng 01 (một) chìa khóa xe;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 869347030196351, số IMEI 2: 869347030196344, kèm theo 01 sim Viettel số 0395.064.922;

+ 01 (một) cái ví màu nâu đen có in chữ Levi's bên trong không có chứa đồ vật gì;

+ 01 (một) áo sơ mi sọc tay dài màu xanh, trắng đã qua sử dụng;

+ 01 (một) quần dài Jean màu xanh đã qua sử dụng;

** Kết quả giám định:*

- Ngày 06/5/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có kết luận giám định số 184/2022/KL-KTHS kết luận: 05 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sê-ri BK 20367082, AQ 18921296, HQ 18921280, FG 18921081, DT 18423283 (do bà Hoàng Thị Thanh V giao nộp) là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 07/5/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có kết luận giám định số 192/2022/KL-KTHS kết luận: 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri DT 18423204, AQ 18921298 (do ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Hồng N giao nộp) là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 10/5/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có kết luận giám định số 197/2022/KL-KTHS kết luận: 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri FE 18921076, FG 18921081 (thu tại tiệm tạp hóa của bà Hồ Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị L) là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 29/7/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có kết luận giám định số 301/2022/KL-KTHS kết luận: 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng mỗi tờ; 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng mỗi tờ; 04

(bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng mỗi tờ; 13 (mười ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng mỗi tờ; 07 (bảy) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng mỗi tờ; 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng mỗi tờ; 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng mỗi tờ do bị cáo Đặng Thị Kim S giao nộp là tiền thật.

- Ngày 17/8/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có kết luận giám định số 373/2022/KL-KTHS kết luận: 11 (mười một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng mỗi tờ; 13 (mười ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng mỗi tờ do bị cáo Đặng Thị Kim S giao nộp là tiền thật.

Quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra trả lại cho bị cáo Đặng Thị Kim S gồm: 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 321254059 mang tên Đặng Thị Kim S; 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Sacombank số tài khoản 060240347213 mang tên Đặng Thị Kim S; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu BIRD cũ đã qua sử dụng, số IMEI 868323013034142 bên trong có 02 sim Viettel; 01 (một) xe mô tô hiệu AIRBLADE màu đen trắng, biển kiểm soát 72E1-171.74 đã qua sử dụng, kèm theo 01 (một) chìa khóa xe.

Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng M gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 71B2. 997.11, kèm theo 01 chìa khóa; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 869347030196351, số IMEI 2: 869347030196344, kèm theo 01 sim Viettel số 0395.064.922.

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKSBT-P1, ngày 11/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để xét xử các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S phạm: “Tội lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim S từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng M từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Sa tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị L mỗi người 500.000 đồng (được trích ra từ số tiền 5.935.000 đồng thu giữ của bị cáo Sa trong quá trình điều tra). Ghi nhận bị cáo Sa đồng ý trích từ khoản tiền bị tạm giữ cho bị cáo M để bị cáo M tự nguyện bồi thường ông Nguyễn Trung T số tiền 2.500.000 đồng; Ông Nguyễn Văn S đã nhận lại đủ số tiền 500.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo S bồi thường. Ngoài ra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản nào khác nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước từ bị cáo Đặng Thị Kim S số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 1.457.000 đồng, số tiền này được trích từ số tiền thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra là 5.935.000 đồng (được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre). Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước từ bị cáo Trần Hoàng M số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 3.000.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 09 (chín) tờ tiền giả Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sê-ri: DT 18423204, AQ 18921298, FE 18921076, FG 18921081, BK 20367082, AQ 18921296, HQ 18921280, FG 18921081, DT 18423283.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái ví màu nâu đen có in chữ Levi's bên trong không có chứa đồ; 01 (một) áo Sơ mi sọc tay dài màu xanh, trắng đã qua sử dụng; 01 (một) quần dài Jean màu xanh đã qua sử dụng; (một) cái bóp chất liệu bằng nhựa, có hoa văn màu đỏ, cũ đã qua sử dụng kích thước 10x15cm; 01 (một) cái bóp màu nâu xám chất liệu bằng vải nhựa có chữ Gerruii 881, cũ đã qua sử dụng, kích thước khoảng 15x20cm; 01 (một) kg đường cát, 01 hộp sữa đặc hiệu Ông Thọ, 01 túi cà phê Wake up 24 gói, 01 chai tương ớt hiệu Chinsu 250g; 01 (một) túi xách màu trắng chất liệu bằng nhựa, cũ đã qua sử dụng, có quai xách. Đây là tài sản của các bị cáo thu giữ trong quá trình điều tra, do các bị cáo không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng Hoàng Thị Thanh V, Nguyễn Trọng N, Lê Trọng T, Bùi Khắc Đ vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai rõ ràng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, mặt khác những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nói trên theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S khai nhận: Ngày 25/02/2022, Đặng Thị Kim S sau khi bị lực lượng tuần tra thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông và bị tạm giữ phương tiện, trên đường đi bộ về nhà thì phát hiện bên lề đường gần vòng xoay An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre có 01 túi ni lông màu xám, S mở ra thấy có 14 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng. S đem số tiền này về nhà ở ấp a, xã B1, huyện G, tỉnh B để cất giấu. Đến ngày 01/5/2022, S đem số tiền nhặt được ra kiểm đếm thì phát hiện số tiền mình nhặt được là tiền giả vì bị nhàu nát, màu sắc không giống tiền thật và đem số tiền này cất giữ tiếp. Đến ngày 03/5/2022, bị cáo Trần Hoàng M hỏi mượn bị cáo Sa 2.000.000 đồng để trả cho Bùi Khắc Đ, sinh năm 2000, nơi cư trú: ấp A, xã A1, huyện B1, tỉnh B là cháu ruột của M. Do không có tiền thật nên S lấy 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đưa cho M và nói "không có tiền thật, lấy tiền giả này đưa cho Đ đỡ, vài bữa có tiền thật sẽ đưa cho nó sau". Sau đó, M về nhà mẹ ruột của mình là bà Nguyễn Thị Thu H tại ấp A2, xã A, huyện B1, tỉnh B gặp Đ cùng ở chung với bà H để trả cho Đ số tiền nói trên. Đến tối cùng ngày Đ phát hiện số tiền M trả cho mình là tiền giả nên điện thoại cho M nói "Ông về đây tôi cho ông hết số tiền này luôn nè", lúc này M nói với Đ "Mày giữ đó cho tao đi, để tao về tao lấy" và dặn Đ đừng sử dụng số tiền mà M đã đưa. Sau đó Đ đưa 04 tờ tiền mà M trả cho mình cho bà H xem và nói M trả tiền giả cho mình. Sau đó, Đ vào nhà vệ sinh đốt bỏ số tiền nói trên và lấy tro vứt bỏ qua cửa sổ. Ngày 04/5/2022, M nói cho S biết việc Đ phát hiện được tiền S đưa để trả cho Đ là tiền giả, nên nói với S "Có tiền không hoặc mượn ai để trả tiền cho Đ", S nói "Giờ chỉ có mất tờ tiền giả thôi, không có tiền thật nữa, lấy làm gì làm", sau đó đưa cho M 06 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, còn lại 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng S cất giữ. Ngày 04/5/2022 M lấy 06 tờ tiền giả đi tiêu thụ, trong đó M đổi 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cho Nguyễn Trọng N để lấy 500.000 đồng tiền lẻ, do N không biết tiền M đổi cho mình là tiền giả nên đã sử dụng để đổ xăng xe nên không thu hồi được. Còn lại 05 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng M đến tiệm game bắn cá của ông Nguyễn Trung T ở ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B để trả hết cho việc chơi game và bị phát hiện. Ngày 06/5/2022 Đặng Thị Kim S lấy 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng còn lại đi tiêu thụ, cụ thể như sau: S đến tiệm tạp hóa của bà Hồ Thị Hồng N ở ấp MQ, xã T, huyện B1, tỉnh B mua 01 kg đường với giá 20.000 đồng, S đưa 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cho bà N, bà N thối lại 480.000 đồng tiền thật; S tiếp tục đến tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị L ở ấp T2, xã T, huyện B1, tỉnh B mua 01 chai tương ớt với giá 13.000 đồng, S đưa cho bà L 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, bà L thối lại 487.000 đồng tiền thật. Tiếp tục S đến quầy nước mía của ông Nguyễn Văn S ở ấp T1, xã T, huyện B1, tỉnh B mua 01 ly nước mía giá 10.000 đồng, S đưa 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cho ông S, ông S thối lại 490.000 đồng tiền thật. Sau đó S tiếp tục đến quầy bán bắp của bà Nguyễn Thị Hồng N gần đó mua 02 trái bắp giá 12.000 đồng, S đưa 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cho bà N, bà N chưa kịp thối cho S thì ông S phát hiện tiền S trả cho ông S là tiền giả nên đến truy hô, biết bị phát hiện S lấy 01 tờ tiền thật mệnh giá 500.000 đồng trả cho ông S và lấy tờ tiền giả đã trả cho bà N vứt bỏ bên hàng rào cạnh nơi bà N bán bắp. Sau đó ông S đi trình báo cơ quan chức năng đến thu giữ 02 tờ tiền giả nói trên. Sau khi lực lượng chức năng tiến hành thu giữ của Trần Hoàng M 05 tờ tiền Việt Nam mệnh giá

500.000 đồng, gồm các số sê-ri BK 20367082, AQ 18921296, HQ 18921280, FG 18921081, DT 18423283 và thu giữ của Đặng Thị Kim S 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri DT 18423204, AQ 18921298, FE 18921076, FG 18921081 gửi giám định là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra như biên bản sự việc, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản khám xét, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở để kết luận hành vi trên của các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S đã cấu thành tội “Lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 51/CT-VKSBT-P1, ngày 11/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S về “Tội lưu hành tiền giả” theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây tác hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, gây bất ổn cho nền kinh tế và gây mất trật tự, trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì háms lợi đã cố ý phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội nên được xác định là đồng phạm, nhưng có tính chất gián đơn. Qua xác định tuy bị cáo Đặng Thị Kim S chỉ trực tiếp tiêu thụ 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng nhưng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với số tiền 7.000.000 đồng mà bị cáo nhất được trước đó. Đối với bị cáo Trần Hoàng M trực tiếp tiêu thụ 10 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng. Nguyên nhân chính trong vụ án này xuất phát từ bị cáo Sa, bị cáo là người nhất được số lượng tiền giả như đã nêu, đáng lý ra bị cáo phải trình báo đến cơ quan chức năng để xử lý, nhưng vì lòng tham mà bị cáo cố tình phạm tội, lôi kéo bị cáo M vi phạm pháp luật tuy số tiền bị cáo trực tiếp tiêu thụ là ít hơn so với bị cáo M nhưng xét về tính chất mức độ của hành vi thì bị cáo là nặng hơn so với bị cáo M. Đối với bị cáo M tuy bị lôi kéo nhưng bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng cũng vì lòng tham mà bị cáo lại cố tình phạm tội nhưng xét về tính chất mức độ của hành vi của bị cáo là nhẹ hơn so với bị cáo S. Qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử cân nhắc để xem xét đưa ra mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo sau khi căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

4] Về nhân thân của bị cáo: Đối với bị cáo Đặng Thị Kim S không có tiền án, tiền sự nên bị cáo được xem là có nhân thân tốt; Bị cáo Trần Hoàng M có 01 tiền sự, về hành vi “Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân (ra đường trong trường hợp không cần thiết) đối với người có nguy cơ mắc bệnh dịch (Covid-19) nên bị cáo được xem là có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trong đó bị cáo S có 04 lần và bị cáo M có 03 lần trực tiếp tiêu thụ tiền giả nên ngoài tình tiết định

tội, định khung hình phạt, các bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo S và M đã tự nguyện bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo S tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính để nộp Ngân sách Nhà nước; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S. Do đó, bị cáo S và M được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo S còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được xem xét hạ khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tính chất, mức độ của vụ án: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục để các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại cho bị cáo Đặng Thị Kim S gồm: 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 321254059 mang tên Đặng Thị Kim S; 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Sacombank số tài khoản 060240347213 mang tên Đặng Thị Kim S; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu BIRD cũ đã qua sử dụng, số IMEI 868323013034142 bên trong có 02 sim Viettel; 01 (một) xe mô tô hiệu AIRBLADE màu đen trắng, biển kiểm soát 72E1-171.74 đã qua sử dụng, kèm theo 01 (một) chìa khóa xe do không liên quan đến hành vi phạm tội là phù hợp; trả lại cho bị cáo Trần Hoàng M gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 71B2. 997.11, kèm theo 01 chìa khóa; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 869347030196351, số IMEI 2: 869347030196344, kèm theo 01 sim Viettel số 0395.064.922 do không liên quan đến hành vi phạm tội là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị Kim S khai nhận số tiền 1.457.000 đồng trong tổng số tiền 5.935.000 đồng thu giữ là tiền bị cáo có được từ việc phạm tội, bị cáo tự nguyện giao nộp ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Đặng Thị Kim S giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước là 1.457.000 đồng, số tiền này được trích từ số tiền thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra là 5.935.000 đồng. Buộc bị cáo Trần Hoàng M giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước là 3.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 09 (chín) tờ tiền giả Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sê-ri: DT 18423204, AQ 18921298, FE 18921076, FG 18921081, BK 20367082, AQ 18921296, HQ 18921280, FG 18921081, DT 18423283 là vật cấm lưu hành; 01 (một) cái ví màu nâu đen có in chữ Levi's bên trong không có chứa đồ; 01 (một) áo sơ mi sọc tay dài màu xanh, trắng đã qua sử dụng; 01 (một) quần dài Jean màu xanh đã qua sử dụng; (một) cái bóp chất liệu bằng nhựa, có hoa văn màu đỏ, cũ đã qua sử dụng kích thước 10x15cm; 01 (một) cái bóp màu nâu xám

chất liệu bằng vải nhựa có chữ Gerruii 881, cũ đã qua sử dụng, kích thước khoảng 15x20cm; 01 (một) kg đường cát, 01 hộp sữa đặc hiệu Ông Thọ, 01 túi cà phê Wake up 24 gói, 01 chai tương ớt hiệu Chinsu 250g; 01 (một) túi xách màu trắng chất liệu bằng nhựa, cũ đã qua sử dụng, có quai xách. Đây là tài sản của các bị cáo thu giữ trong quá trình điều tra, do các bị cáo không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

[9] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo Đặng Thị Kim S tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị L mỗi người 500.000 đồng, Ghi nhận bị cáo S đồng ý trích từ khoản tiền bị tạm giữ cho bị cáo Trần Hoàng M để bị cáo M tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Tín số tiền 2.500.000 đồng (được trích ra từ số tiền 5.935.000 đồng thu giữ của bị cáo S trong quá trình điều tra). Ông Nguyễn Văn S đã nhận lại đủ số tiền 500.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo S bồi thường. Ngoài ra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản nào khác nên không xem xét.

Trả lại cho bị cáo Đặng Thị Kim S số tiền 978.000 đồng sau khi đã trích nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 1.457.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tự nguyện trích số tiền 2.500.000 đồng để cho bị cáo M bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tổng số tiền 5.935.000 đồng thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Hoàng M và Đặng Thị Kim S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị Kim S và Trần Hoàng M phạm: “Tội lưu hành tiền giả”.

1/ Căn cứ khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: Đặng Thị Kim S 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2022.

2/ Căn cứ khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: Trần Hoàng M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2022.

[2] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước từ bị cáo Đặng Thị Kim S số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 1.457.000 (một triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng. Buộc bị cáo Đặng Thị Kim S nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 1.457.000 (một triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước, (số tiền này được trích từ số tiền thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra là 5.935.000 (năm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, được lưu giữ tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre). Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước từ bị cáo Trần Hoàng M số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Buộc bị cáo Trần Hoàng M nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 3.000.000 (ba triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 09 (chín) tờ tiền giả Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sê-ri: DT 18423204, AQ 18921298, FE 18921076, FG 18921081, BK 20367082, AQ 18921296, HQ 18921280, FG 18921081, DT 18423283 (đã được niêm phong); 01 (một) cái ví màu nâu đen có in chữ Levi's bên trong không có chứa đồ; 01 (một) áo Sơ mi sọc tay dài màu xanh, trắng đã qua sử dụng; 01 (một) quần dài Jean màu xanh đã qua sử dụng; (một) cái bóp chất liệu bằng nhựa, có hoa văn màu đỏ, cũ đã qua sử dụng kích thước 10x15cm; 01 (một) cái bóp màu nâu xám chất liệu bằng vải nhựa có chữ Gerruii 881, cũ đã qua sử dụng, kích thước khoảng 15x20cm; 01 (một) kg đường cát, 01 hộp sữa đặc hiệu Ông thọ, 01 túi cà phê Wake up 24 gói, 01 chai tương ớt hiệu Chinsu 250g; 01 (một) túi xách màu trắng chất liệu bằng nhựa, cũ đã qua sử dụng, có quai xách. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

[3] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo Đặng Thị Kim S tự nguyện bồi thường cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị L mỗi người 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bị cáo S tự nguyện trích số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng ra cho bị cáo Trần Hoàng M để bồi thường thiệt hại. Ghi nhận bị cáo Trần Hoàng M đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng được trích ra từ số tiền tạm giữ của bị cáo S trong quá trình điều tra. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị L mỗi người được nhận số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T được nhận số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, số tiền này được trích từ số tiền thu giữ của bị cáo Đặng Thị Kim S trong quá trình điều tra là 5.935.000 (năm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng (số tiền này được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

Trả lại cho bị cáo Đặng Thị Kim S số tiền 978.000 (chín trăm bảy mươi tám nghìn) đồng sau khi đã trích nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 1.457.000 (một triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng và 1.000.000 (một triệu) đồng bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng mà bị cáo tự nguyện trích ra để cho bị cáo M bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tổng số tiền 5.935.000 (năm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo S trong quá trình điều tra.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đặng Thị Kim S và Trần Hoàng M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (2b);
- Những người tham gia tố tụng khác (4b)
- Bộ phận thi hành án hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Minh Tâm